

Bản án số: **15/2020/DS-ST**

Ngày: 05 – 5 – 2020.

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiếu.

Bà Bùi Thị Hồng Lam.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Đinh Quốc Hiếu – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2020/TLST – DS ngày 31 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2020, Quyết định hoãn phiên Tòa số 06/2020/QĐST- DS ngày 01 tháng 4 năm 2020, Thông báo thời gian, địa điểm mở lại phiên Tòa xét xử số 14/TB-TA ngày 16 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Phạm Thị H, sinh năm 1973 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện D, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Nguyễn Thị H, sinh năm 1970 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bến Tre.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Phan Văn L, sinh năm 1963 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bến Tre

Người đại diện hợp pháp của ông L: **Bà Nguyễn Thị H**, là người đại diện theo ủy quyền của ông L (Văn bản ủy quyền ngày 28 tháng 02 năm 2020. (Bà H1 có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/01/2020, bản tự khai ngày 24/02/2020 của chị Phạm Thị H và quá trình giải quyết vụ án, chị H trình bày:*

Do mối quan hệ quen biết làm ăn nên chị H có cho vợ chồng chị H1, anh L là chủ ghe Thuận Thành (hiện đổi tên là Ngân Phát) vay số tiền 500.000.000 đồng để giữ mối mua bán cá sau mỗi chuyến ghe cào vô đều bán cho chị. Vay làm 02 lần, 01 lần là 300.000.000 đồng (không tính lãi) và 01 lần là 200.000.000 đồng (có tính lãi 1.5%/tháng). Lúc vay tiền không có làm giấy tờ và cũng không thỏa thuận thời gian trả, mà đến ngày 08/12/2016 (âm lịch) thì hai bên chốt nợ lại nên có làm 01 giấy tay biên nhận nợ với nội dung chị H1 có mượn của chị tổng cộng là 500.000.000 đồng.

Sau đó chị H1 không thực hiện theo đúng lời hứa là bán cá và mực cho chị mà cũng không trả lại số tiền đã vay dù chị đã nhiều lần đến đòi.

Vì vậy, nay chị khởi kiện yêu cầu chị H1 và anh L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị số tiền vay 500.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên Tòa: Chị H vẫn giữ yêu cầu khởi kiện.

** Tại bản tự khai ngày 24/02/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị H cũng là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Văn L trình bày:*

Chị thống nhất với phần trình bày của chị H về nội dung vay tiền và chị thừa nhận số tiền hiện còn nợ chị H đúng là 500.000.000 đồng. Trong đó 200.000.000 đồng có tính lãi, 300.000.000 đồng không tính lãi nhưng khoảng 01 năm nay chị ngưng không đóng, đối với số tiền lãi đã đóng chị không có yêu cầu gì. Ghe cào vợ chồng chị cũng đã bán, vì vậy không có cá bán cho chị H. Lúc mượn tiền anh L chồng chị có biết và vợ chồng chị thừa nhận có nợ chị H 500.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh hiện đang khó khăn nên xin chị H cho thời gian trả dần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

[1]. Tại phiên Tòa, nguyên đơn chị H giao nộp bổ sung chứng cứ “*Bản chính Giấy tay biên nhận nợ đề ngày 08/12/2016 (âm lịch) có chữ ký của chị Nguyễn Thị H*” nên Hội đồng xét xử công bố công khai tại phiên Tòa là phù hợp với quy định tại Điều 254 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Chị H cho vợ chồng chị H1, anh L vay số tiền là 500.000.000 đồng đến nay vẫn chưa trả. Nay chị H khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị H1 phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay 500.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất. Do đó

quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại **Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26** của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Theo Đơn xác nhận ngày 31/01/2020 của Công an xã Bình Thắng, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xác nhận chị H1 và anh L hiện đang sinh sống tại ấp 5, xã Bình Thắng, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào **điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39** của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

** Về nội dung:*

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của chị H buộc chị H1 và anh L có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ vay là 500.000.000 đồng.

Cơ sở chứng cứ:

+ Giấy tay biên nhận nợ đề ngày 08/12/2016 (âm lịch) có chữ ký của chị Nguyễn Thị H.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa đều xác định giữa chị H với chị H1 có giao dịch vay tiền với nhau và giữa hai bên đã kết nợ lại vào ngày 08/12/2016 (âm lịch) với số tiền 500.000.000 đồng, có làm giấy tay, không có thỏa thuận thời gian trả, chỉ thỏa thuận cho mượn tiền để khi ghe cào vô bán cá cho chị H. Nhưng sau đó chị H1 không bán cá và cũng không trả lại số tiền đã vay dù chị đã nhiều lần đến đòi.

Chị H1 thừa nhận có giao dịch vay tiền như chị H trình bày là đúng và vợ chồng chị hiện còn nợ 500.000.000 đồng.

Lời thừa nhận này là tự nguyện, phù hợp với lời khai của nguyên đơn và chứng cứ do nguyên đơn giao nộp có trong hồ sơ vụ án, cụ thể là giấy tay biên nhận nợ ngày 08/12/2016 (âm lịch) và được chị H1 thừa nhận chữ ký trong giấy là do chị ký tên.

Căn cứ **vào khoản 2 Điều 92** của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây **là tình tiết, sự kiện** không phải chứng minh và công nhận sự thật nêu trên.

Từ cơ sở trên, xác định được giữa chị H và chị H1 có quan hệ giao dịch vay tiền, được 02 bên thiết lập trên tinh thần tự nguyện theo quy định tại **Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015**. Vợ chồng chị H1 đã sử dụng hết quyền nhận tài sản, nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ trả vốn và lãi đầy đủ cho chị H. Việc vay tiền anh L có biết và cùng sử dụng vào mục đích chung nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình, nên chị H khởi kiện yêu cầu chị H1 và anh L có nghĩa vụ liên đới trả 500.000.000 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định tại **Điều 463, 466** của Bộ luật dân sự năm 2015, **Điều 27, 30, khoản 2 Điều 37** của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ghi nhận sự tự nguyện chị H không có yêu cầu tính lãi suất.

[5]. Xét yêu cầu xin trả dần của chị H1 và anh L:

Chị H1 và anh L xin trả dân do hoàn cảnh đang khó khăn, chị H không đồng ý. *Hội đồng xét xử xét thấy*, đây là sự thỏa thuận của các đương sự tại giai đoạn thi hành án, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Căn cứ vào **khoản 1 Điều 147** của Bộ luật tố tụng dân sự; **khoản 2 Điều 26** của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của chị H được chấp nhận toàn bộ, nên chị H1 và anh L phải liên đới chịu án phí của số tiền: 500.000.000 đồng, cụ thể:

$$\begin{aligned} 500.000.000 \text{ đồng} &= 20.000.000 \text{ đồng} + 4\% (100.000.000 \text{ đồng}) \\ &= 24.000.000 \text{ đồng.} \end{aligned}$$

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các **Điều 463, 466** của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các **Điều 27, 30, khoản 2 Điều 37** của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147, **Điều 254** của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H đối với chị Nguyễn Thị H và anh Phan Văn L về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”.

2. Buộc chị Nguyễn Thị H và anh Phan Văn L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Phạm Thị H số tiền nợ vay là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

3. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị H không yêu cầu chị Nguyễn Thị H và anh Phan Văn L trả lãi suất của số tiền nêu trên.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Chị Nguyễn Thị H và anh Phan Văn L phải liên đới chịu là 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng).

Chị Phạm Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0008027 ngày 31 tháng 01 năm

2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hiếu – Bùi Thị Hồng Lam

Trần Thị Mỹ Duyên

